



+ Nắm được các điểm ngữ pháp ở mức độ tiền sơ cấp, cụ thể có thể thành thạo các nội dung như sau: các dạng câu hỏi WH, các loại động từ, đại từ, sở hữu cách, thì hiện tại, thì quá khứ, v.v;

+ Thông thạo những từ và cụm từ thường sử dụng trong tiếng Anh cơ bản và ngữ cảnh tiếng Anh giao tiếp trong các hoàn cảnh xã hội.

**– Về kĩ năng:**

+ Kĩ năng nghe

- Nghe trọng âm, hậu tố, cách nối từ, các tình huống giao tiếp cơ bản v.v;
- Nghe hiểu, nắm bắt chủ đề, nội dung chi tiết của bài nghe để từ đó hoàn thành các bài tập điền từ để hoàn thành câu, đoạn văn; trả lời câu hỏi; nối câu hỏi với câu trả lời đúng, v.v;

+ Kĩ năng nói

- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như giới thiệu bản thân, chào hỏi, trao đổi thông tin cá nhân;
- Học các từ, cụm từ theo ngữ cảnh để có thể giao tiếp trong các tình huống đặc biệt;
- Trình bày sở thích, hỏi xin phép, đưa ra các đề nghị;
- Cách thể hiện sự hứng thú và mong muốn tiếp tục cuộc hội thoại v.v;

+ Kĩ năng đọc

- Nắm vững cách dùng từ trong các tình huống cụ thể
- Làm quen với những văn bản, bài báo, chương trình truyền hình được diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản;
- Luyện tập các kĩ năng đọc hiểu (đọc nhanh để tìm ý chính và đọc kĩ để tìm thông tin chi tiết).

+ Kĩ năng viết

- Thành lập câu bằng cách sắp xếp từ, nối cụm từ;
- Chọn từ phù hợp để hoàn tất nội dung cho sẵn;
- Viết tiếp câu dựa trên phần có sẵn;
- Đặt câu hỏi với từ cho sẵn;
- Viết về những chủ đề đơn giản như gia đình, thói quen hằng ngày, sự

kiện đặc biệt trong năm, v.v.

**– Về thái độ:**

- + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học;
- + Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử;
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp và các bài tập tuần;
- + Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu;
- + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.

**4. Nhiệm vụ của sinh viên:**

- Tham dự giờ học lý thuyết trên lớp.
- Làm các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.
- Dự kiểm tra giữa học phần và thi cuối học phần.

**5. Đánh giá học phần:**

Thang điểm đánh giá: 10/10

- Điểm đánh giá quá trình: 30% (*đánh giá theo 4 kỹ năng*)
- Điểm thi kết thúc học phần: 70% (*đánh giá theo 4 kỹ năng*)

**6. Nội dung học phần:**

STT	Tên chương	Tổng số tiết hoặc giờ	Phân bố thời gian (tiết hoặc giờ)				
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TN/TH	Tự học
1	<b>Unit 1:</b> Meeting people	21	7	0	0	0	14
2	<b>Unit 2:</b> People and possessions	21	7	0	0	0	14
3	<b>Unit 3:</b> Daily life	24	8	0	0	0	16
4	<b>Unit 4:</b> Time off	24	8	0	0	0	16
5	<b>Unit 5:</b> Homes and shops	21	7	0	0	0	14
6	<b>Unit 6:</b> Good times, bad	24	8	0	0	0	16

	times						
<b>Tổng</b>		<b>135</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>90</b>